

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST

Ngày: 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phú.

Ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST, ngày 16/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 22/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn L, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 04/6/1962 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N và bà Lê Thị N; có vợ là Trần Thị U và 05 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Tấn D, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 02/6/1966 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N và bà Lê Thị N; có vợ là Nguyễn Thị L và 03 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Q; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 03/6/1972 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Lê Thị E; có vợ là Dương Thị Thiên H và 03 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

4. Trương Văn T, tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; sinh ngày 25/02/1990 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương T và bà Nguyễn Thị N, vợ con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

5. Tôn Thất T; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 05/9/1967 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất D và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Ánh N và có 03 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

6. Võ Hữu T; tên gọi khác: không có; giới tính: Nam; sinh ngày 20/10/1984 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhạc công; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C và bà Lê Thị X; có vợ là Lê Thị B và có 03 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

7. Nguyễn A, tên gọi khác: “Mì”; giới tính: Nam; sinh ngày 16/4/1994 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P và bà Hồ Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

8. Dương Quang N, tên gọi khác: “Tèo”; giới tính: Nam; sinh ngày 25/01/1978 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quang T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày

17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

9. Nguyễn Văn V; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 22/02/1986 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Bùi Thị T; có vợ là Huỳnh Thị H và 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 cho đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

10. Nguyễn Văn M, tên gọi khác: “Nheo”; giới tính: Nam; sinh ngày 10/9/1972 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Hà Thị K; có vợ là Lê Thị L và 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

11. Nguyễn H, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 05/4/1962 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Trương Thị H; có vợ là Đỗ Thị T và 06 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

12. Võ Hữu Đ; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 02/12/1990 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C và bà Lê Thị X; có vợ là Hồ Thị Thanh T và 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

13. Nguyễn Văn A, tên gọi khác: “Cườm”; giới tính: Nam; sinh ngày 17/12/1981 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện P; nghề nghiệp: thợ xây dựng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T; có vợ là Trần Thị L, có 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Dương Thị Thiên H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Anh Lê Đình L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 17/10/2017, tại Miếu Phường thuộc địa phận thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn L, Nguyễn Văn V, Võ Hữu T, Tôn Thất T, Nguyễn Văn A, Nguyễn H, Võ Hữu Đ, Nguyễn Tấn D, Nguyễn A, Trương Văn T, Nguyễn Văn M, Dương Quang N, Nguyễn Q cùng bà con trong thôn tổ chức cúng tế miếu phường, sau khi cúng tế xong cả nhóm rủ nhau đánh bạc bằng tiền dưới hình thức “Xóc đĩa”. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang đánh bạc thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.430.000đ, thu giữ trên người các bị cáo số tiền 10.820.000đ và các dụng cụ dùng để đánh bạc.

Cách thức đánh bạc như sau: Có 04 con bài vị, mỗi con bài vị có hai mặt, mặt màu trắng là “ngửa”, mặt màu đen là “úp”. Người cầm cái bỏ 04 con bài vị lên trên đĩa sứ, dùng chén sứ úp lên đĩa sứ rồi tiến hành xóc. Sau khi xóc xong, người tham gia đánh bạc đặt tiền cược vào cửa “chẵn” hoặc “lẻ” tùy theo ý muốn của mình. Khi người tham gia đánh bạc hoàn tất việc đặt tiền cược vào các cửa thì người cầm cái mở chén sứ ra để xác định kết quả. Nếu mở chén sứ ra trên đĩa sứ có 02 con bài vị úp và 02 con bài vị ngửa hoặc 04 con bài vị ngửa hoặc 04 con bài vị úp thì kết quả là “chẵn”. Nếu mở chén sứ ra trên đĩa sứ có 01 con bài vị ngửa và 03 con bài vị úp hoặc 01 con bài vị úp và 03 con bài vị ngửa thì kết quả là “lẻ”. Tương ứng với kết quả mà người cầm cái xác định thắng thua để ăn tiền người thua cược và chung tiền người thắng cược. Mỗi ván số tiền đặt cược tại chiếu bạc thấp nhất 200.000đ, cao nhất 6.430.000đ.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo đánh bạc từ lúc bắt đầu đến khi bị bắt như sau: Nguyễn L mang theo 450.000đ, cầm cái khoảng 10 ván, đánh thua 270.000đ, thu giữ trên người L 180.000đ dùng để đánh bạc; Nguyễn Tấn D mang theo 1.000.000đ, đánh 02 ván, không thắng không thua, thu giữ trên người D 1.000.000đ dùng để đánh

bạc; Nguyễn Q mang theo 6.000.000đ, trong đó 100.000đ để cúng tế, 5.500.000đ để trả tiền mua cây keo giống trồng rừng và 400.000đ để đánh bạc, Q đánh 10 ván, thắng được 300.000đ, thu giữ trên người Q 6.200.000đ, trong đó 700.000đ dùng để đánh bạc, 5.500.000đ để trả tiền mua cây keo giống trồng rừng; Trương Văn T mang theo 3.000.000đ, trong đó 2.500.000đ để đi khám bệnh và 500.000đ để đánh bạc, đánh 01 ván thắng 100.000đ, thu giữ trên người T 3.100.000đ (trong đó 600.000đ dùng để đánh bạc, 2.500.000đ để đi khám bệnh); Tôn Thất T mang theo 400.000đ để đánh bạc, đánh khoảng 07 ván, thua 300.000đ, thu giữ trên người Trục 100.000đ dùng để đánh bạc; Võ Hữu T mang theo 300.000đ, đánh khoảng 05 đến 06 ván, không thắng, không thua; Nguyễn A mang theo 300.000đ, đánh 01 ván thua 100.000đ; thu giữ trên người A 200.000đ dùng để đánh bạc; Dương Quang N mang theo 230.000đ, đánh 02 ván, thua hết 230.000đ; Nguyễn Văn V mang theo 50.000đ, đánh 03 ván, thua hết 50.000đ; Nguyễn Văn M mang theo 200.000đ, đánh từ 07 đến 08 ván, thua hết 200.000đ; Nguyễn H mang theo 130.000đ đánh 02 ván, thua 100.000đ, thu giữ trên người H 30.000đ; Võ Hữu Đ mang theo 110.000đ, đánh 01 ván, thua 100.000đ, thu giữ trên người Đ 10.000đ; Nguyễn Văn A mang theo 100.000đ, đánh 01 ván thua 100.000đ.

Tại bản cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT ngày 12/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc truy tố các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn H, Võ Hữu Đ, Nguyễn Văn A về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N, Nguyễn Văn M, Võ Hữu Đ, Nguyễn Văn A, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với Võ Hữu Đ, Võ Hữu T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Q; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn L từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ; Nguyễn Văn V từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ; Nguyễn H từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ; tất cả các bị cáo còn lại đề nghị xử phạt từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Tịch thu sung công quỹ số tiền đánh bạc là 9.250.000đ; trả lại cho bị cáo Nguyễn Q số tiền 5.500.000đ, trả lại cho bị cáo Trương Văn T số tiền 2.500.000đ; Tịch thu tiêu hủy các vật chứng dùng vào việc đánh bạc, đề nghị trả lại các điện thoại di động cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Q đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho bị cáo số tiền 5.500.000đ vì đây là tiền trả cây keo giống, không phải tiền đánh bạc.

Bị cáo Trương Văn T đề nghị Tòa án xem xét trả lại cho bị cáo số tiền 2.500.000đ là tiền bị cáo đi khám bệnh, không phải tiền đánh bạc.

Chị Dương Thị Thiên H (vợ bị cáo Nguyễn Q) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền 5.500.000đ vì chị Hương đưa số tiền này cho bị cáo Quang đi trả tiền cây giống.

Bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo Trương Văn T) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo Thanh số tiền 2.500.000đ do bà Nga đưa cho Thanh đi chữa bệnh, không phải là tiền dùng để đánh bạc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Phú Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, khẳng định các hành vi và quyết định tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn L và các đồng phạm đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 17/10/2017, tại Miếu Phường, thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn H, Võ Hữu Đ và Nguyễn Văn A đã có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức “Xóc đĩa” do Nguyễn L cầm cái. Số tiền thu giữ tại chiếu bạc 6.430.000đ, thu giữ trong người các bị cáo có căn cứ đang và sẽ dùng vào việc đánh bạc là 2.820.000đ, tổng cộng số tiền đánh bạc trị giá là 9.250.000đ.

Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc đánh bạc trái phép là bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện. Do vậy, hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền trị giá 9.250.000đ của các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N,

Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn M, Nguyễn H, Võ Hữu Đ, Nguyễn Văn A đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999.

Do vậy, bản cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo biết rõ hậu quả của việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng là:

Tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N, Nguyễn Văn M, Võ Hữu Đ, Nguyễn Văn A được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Võ Hữu Đ, Nguyễn Q, Võ Hữu T và Nguyễn Văn V đều có mẹ đẻ được tặng Bằng khen do có thành tích trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, cần xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về nhân thân:

Đối với Nguyễn Văn V đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 29/2006/HSST ngày 03/8/2006), đã chấp hành xong hình phạt và xóa án tích; Đối với Nguyễn H năm 1991 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm xử phạt 12 tháng tù về tội: “Chống người thi hành công vụ”, 6 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù (bản án số 24/HSPT ngày 15/10/1991) đã chấp hành xong hình phạt và xóa án tích. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, chưa lần nào vi phạm pháp luật.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, hầu hết đều có nhân thân tốt; riêng bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn H bị kết án nhưng đã xóa án tích, tang số đánh bạc thấp (bị cáo Vy chỉ mang theo 50.000đ, Hiền mang theo 130.000đ để đánh bạc), đánh 02 đến 03 ván, khi bắt quả tang H đã thua hết tiền, chỉ đứng xem các bị cáo khác đánh; hành vi đánh bạc của các bị cáo mang tính chất nhất thời sau khi tập trung tế lễ đình

làng, tang số đánh bạc không lớn, không mang tính sát phạt cao. Do vậy, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Xét vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn L là người cầm cái nên chịu trách nhiệm mức hình phạt cao nhất. Đối với bị cáo Nguyễn H và Nguyễn Văn V tuy tang số đánh bạc thấp nhưng có nhân thân không tốt nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 17.250.000đ: trong đó 9.250.000đ các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền thu giữ trong người bị cáo Nguyễn Q là 6.200.000đ, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chứng minh bị cáo Q dùng 700.000đ để đánh bạc, còn số tiền 5.500.000đ dùng để trả tiền mua cây keo giống trồng rừng. Do vậy, số tiền này không phải là tiền dùng để đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Q.

Đối với số tiền thu giữ trong người bị cáo Trương Văn T 3.100.000đ quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chứng minh bị cáo T dùng 600.000đ để đánh bạc, 2.500.000đ là tiền của bà Nguyễn Thị N, đưa cho T để đi khám bệnh. Do vậy, số tiền này không phải là tiền dùng để đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Trương Văn T.

Đối với các vật chứng dùng vào việc đánh bạc không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các điện thoại là phương tiện liên lạc, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Văn V, Võ Hữu T, Tôn Thất T, Nguyễn Văn A, Nguyễn H, Võ Hữu Đ, Nguyễn Tấn D, Nguyễn A, Trương Văn T, Nguyễn Văn M, Dương Quang N, Nguyễn Q phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Tấn D, Nguyễn Q, Trương Văn T, Tôn Thất T, Võ Hữu T, Nguyễn A, Dương Quang N,

Nguyễn Văn M, Võ Hữu Đ, Nguyễn Văn A; Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Võ Hữu Đ, Võ Hữu T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Q.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn L số tiền 7.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 6.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn H số tiền 6.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Võ Hữu T số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Tôn Thất T số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Võ Hữu Đ số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn D số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn A số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Trương Văn T số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Dương Quang N số tiền 5.000.000đ.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Q số tiền 5.000.000đ.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tuyên xử:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.250.000 đồng.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Q số tiền 5.500.000đ.
- Trả lại cho bị cáo Trương Văn T số tiền 2.500.000đ
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn L 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia.
- Trả lại cho bị cáo Võ Hữu T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5.
- Trả lại cho bị cáo Tôn Thất T 01 điện thoại di động hiệu Mobell.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A 01 điện thoại di động hiệu FORME.
- Trả lại cho bị cáo Võ Hữu Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn D một điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn A 01 điện thoại di động hiệu SamSung loại CE0168.
- Trả lại cho bị cáo Trương Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng vàng.
- Trả lại cho bị cáo Dương Quang N 01 điện thoại di động hiệu FPT.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động hiệu Xphone.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Q 01 điện thoại di động hiệu FPT màu vàng.
- Tịch thu tiêu hủy: Bốn con bài vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá White horse; Một cái chén bằng sứ màu trắng, đáy chén có chữ Thái Bình; Một cái đĩa bằng sứ màu trắng, hoa viền màu xanh, đáy đĩa có chữ FENGHVA FORCELAIN màu đen; Một chiếc chiếu bằng nhựa màu đỏ, xanh, trắng, vàng.

(Các vật chứng này đang do cơ quan Chi cục Thi hành án quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lộc).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Văn V, Võ Hữu T, Tôn Thất T, Nguyễn Văn A, Nguyễn H, Võ Hữu Đ, Nguyễn Tấn D, Nguyễn A, Trương Văn T, Nguyễn Văn M, Dương Quang N, Nguyễn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

PHAN SANG